

60 NĂM

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

60 năm trước, ngày 02/12/1953, tại Tân Trào, địa danh lịch sử trong chiến khu Việt Bắc, một tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam mang tên gọi “*Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học*” với 14 cán bộ, nhân viên do nhà sử học Trần Huy Liệu làm Trưởng ban, được thành lập. Đây chính là tổ chức tiền thân của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ngày nay.

1. Vài nét về lịch sử và quá trình phát triển

Qua 60 năm với các tên gọi khác nhau (Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học, Viện Khoa học xã hội, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Khoa học xã hội Việt Nam), đáp ứng những nhiệm vụ khác nhau của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, từ ngày 22/2/2013, Viện mang tên *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*, tên gọi được dự kiến từ rất sớm và được coi là phản ánh đúng nhất chức năng, tiềm năng và sức mạnh trí tuệ của một cơ quan nghiên cứu quốc gia, vĩ mô, chiến lược, toàn diện và có hệ thống về khoa học xã hội và nhân văn. Tên gọi này cũng đồng thời là nguồn cổ vũ to lớn đối với giới khoa học xã hội Việt Nam.

Thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu triển khai, đào tạo nguồn nhân lực khoa học xã hội trình độ cao, tham mưu và tư vấn chính sách, 60 năm qua, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, đạt được nhiều thành tựu khoa học quan trọng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1953 đến năm 1986 là thời kỳ Viện Hàn lâm tập trung nghiên cứu những vấn đề về độc lập dân tộc, về con đường và các phương thức giải phóng dân tộc, về xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội ở các nước đã và đang tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Bên cạnh đó, với chức năng và nhiệm vụ của mình, Viện Hàn lâm cũng tiến hành nhiều nghiên cứu về lịch sử và văn hóa người Việt, về bản thân các khoa học xã hội..., khẳng định được vị thế của khoa học xã hội trong đời sống xã hội, đặc biệt trong những tình huống nền kinh tế - xã hội đất nước gặp khó khăn hoặc khủng hoảng.

Những thành tựu khoa học của thời kỳ này đã phát huy được nội lực của các nhà khoa học Việt Nam trên cơ sở tiếp

thu được những tinh hoa văn hóa và khoa học của các nền khoa học tiên tiến thời bấy giờ. Những thành tựu đó đã động viên toàn Đảng, toàn dân nhận rõ sức mạnh chính nghĩa, chấp nhận hi sinh để bảo vệ nền tự do và độc lập của dân tộc; góp phần quan trọng thúc đẩy cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đi đến thắng lợi, thống nhất nước nhà, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thời kỳ từ năm 1986 đến nay là thời kỳ phát triển phong phú, sâu sắc và khá toàn diện về hoạt động khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Trên cơ sở kế thừa các thành tựu của giai đoạn trước, tiếp thu những thành tựu mới của khoa học xã hội thế giới, đặc biệt các nền khoa học của các quốc gia phát triển mà trước đó chúng ta ít có điều kiện để tiếp xúc, Viện Hàn lâm đã chủ động đổi mới các hoạt động khoa học, tổ chức nghiên cứu những vấn đề vừa cơ bản; vừa cấp bách về lý luận và thực tiễn để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, các vấn đề chính trị an ninh, các vấn đề về văn hóa, con người, v.v...

Trên thực tế, Viện Hàn lâm với tất cả các hoạt động của mình đã trực tiếp và gián tiếp thúc đẩy những đổi mới căn bản về lý luận và các phương thức thực tiễn để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa; cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong suốt thời kỳ này.

Việc liên kết nghiên cứu của Viện Hàn lâm với các ngành, tỉnh, thành phố trong cả nước cũng không ngừng được

mở rộng. Hoạt động hợp tác với các nước trên thế giới trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cũng ngày càng được tăng cường. Đến nay, Viện Hàn lâm đã có quan hệ hợp tác nghiên cứu, đào tạo cán bộ, trao đổi thông tin khoa học với hơn 50 nước và các tổ chức khoa học xã hội trên thế giới. Cùng với sự trưởng thành của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, xu thế này vẫn đang phát triển mạnh mẽ.

Hiện nay Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có 35 đơn vị trực thuộc bao gồm 30 Viện và Trung tâm nghiên cứu - là các tổ chức đầu ngành về nghiên cứu và đào tạo khoa học xã hội, được tổ chức thành các khối viện: khối khoa học xã hội; khối khoa học nhân văn; khối nghiên cứu quốc tế; và khối các viện khoa học xã hội vùng. 6 cơ quan có chức năng đặc thù là Học viện Khoa học xã hội, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa và Trung tâm ứng dụng Công nghệ thông tin cùng 6 cơ quan chức năng giúp việc Chủ tịch Viện. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Viện Hàn lâm hiện có 1.912 người, trong đó có 1.688 cán bộ nghiên cứu (chiếm 88%) với 16 GS. TS., 125 PGS. TS., 3 TSKH., 204 TS., 509 ThS.

Về các tổ chức có chức năng công bố sản phẩm, công trình khoa học, ngoài Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Viện Hàn lâm có 33 tạp chí khoa học được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động, trong đó có 12 tạp chí xuất bản cả tiếng Việt và tiếng Anh. Đây là hệ thống lớn nhất và phong phú nhất các tạp chí khoa học xã hội ở nước ta, nhiều tạp chí được các học giả quốc tế đánh giá là có uy tín.

Gắn liền với nghiên cứu chuyên ngành là công tác đào tạo nhân lực khoa học xã hội trình độ cao. Viện Hàn lâm từ lâu đã là địa chỉ về đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ về khoa học xã hội có uy tín với đội ngũ cán bộ giỏi trong khắp cả nước. Thống nhất hoạt động của 17 cơ sở đào tạo sau đại học, trong đó có 6 Viện có nhiệm vụ đào tạo cả hai trình độ là tiến sĩ và thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội đã ra đời có nhiệm vụ đào tạo 64 ngành tiến sĩ và thạc sĩ, trong đó có 33 ngành thạc sĩ. Học viện đang đào tạo 3.284 học viên cao học và nghiên cứu sinh, trong đó 1.240 là nghiên cứu sinh.

2. Những thành tựu chủ yếu

Với 60 năm lao động và sáng tạo, đến nay, kết quả nghiên cứu và sản phẩm khoa học của Viện Hàn lâm đã đạt tới con số hàng nghìn công trình khoa học, hàng vạn bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước và hơn 7 nghìn đầu sách đã được xuất bản.

Các công trình đó đã được Đảng, Nhà nước và xã hội đánh giá cao, trong đó, 20 công trình, cụm công trình tiêu biểu đã vinh dự được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh và 24 công trình, cụm công trình đã được nhận Giải thưởng Nhà nước. Rất nhiều công trình khoa học khác tuy không nhận giải thưởng, nhưng cũng đã và đang tồn tại như là các nguồn tri thức căn bản, đóng vai trò là thế giới quan, là phương pháp luận, chỉ dẫn và định hướng các hoạt động kinh tế - xã hội, là công cụ lý luận để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra, thúc đẩy xã hội vận động theo chiều tốt đẹp, mở mang dân trí, làm phong phú đời sống tinh thần xã hội.

2.1. Từ cuối những năm 80, chính là bắt đầu từ khoa học xã hội mà đất nước

đã chuyển đổi thành công từ cơ chế hành chính - bao cấp sang cơ chế thị trường, thị trường đã được nhìn nhận như một nhân tố mang tính cấu trúc bên trong nền kinh tế để xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ một xã hội chỉ hội nhập kinh tế chuyển sang hội nhập quốc tế ngày càng đầy đủ, tích cực và chủ động; từ nghi ngại, kỳ thị với toàn cầu hóa, coi toàn cầu hóa chỉ là một thứ vũ khí của kẻ thù đến chấp nhận toàn cầu hóa như một thời cơ bên cạnh những thách thức, và theo đó, hội nhập quốc tế là phương thức để phát triển, và trên tất cả, *từ một phương thức phát triển khép kín, rập khuôn và kém hiệu quả sang một phương thức phát triển mở, mới, năng động, tích cực và hiệu quả...*

Sự chuyển đổi này không bắt đầu từ gì khác ngoài khoa học xã hội.

Có thể chứng minh tình trạng này qua từng bước gian nan và phức tạp của đổi mới. Trên thực tế, khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam đã đi đúng con đường đặc thù của nó là đi vào đời sống nói chung cũng như vào văn hóa và dân trí nói riêng - con đường không bằng phẳng, không giản đơn, không dễ nhận biết hiệu quả theo quan sát trực tiếp và tức thì.

Nhìn từ góc độ này, nhiều nhà hoạt động xã hội đã đánh giá rằng, khoa học xã hội và nhân văn đang ngày càng được đánh giá đúng mức, có vai trò to lớn, mang ý nghĩa quyết định trong việc chuyển cả một xã hội sang những bước ngoặt phát triển có tính lịch sử.

Bắt đầu là một số thay đổi trong khuôn khổ của “đổi mới tư duy”. Sau đó là sự định hình dần thành hệ thống các quan niệm, quan điểm, các triết lý với những chỉ dẫn lý luận, phương pháp luận ở trình độ có sức mạnh cải tổ xã

hội. Dân trí và văn hóa thực sự được mở mang theo một xu hướng tích cực, khẳng định các chân giá trị và theo đó hình thành nguồn lực mới, có tác động thúc đẩy quá trình đổi mới. Tất cả những gì được coi là giáo điều, bảo thủ, trì trệ trong hoạt động kinh tế, trong sinh hoạt tư tưởng - tinh thần, trong quản lý xã hội... đều được tư duy lại và được khắc phục một cách ý thức. Khoa học xã hội và nhân văn với tinh thần đổi mới, đã làm cho chính nó thoát xác khỏi những quan niệm giáo điều, thúc đẩy xã hội chuyển sang trạng thái phát triển năng động, tích cực, hiệu quả, lấy con người làm trung tâm.

Lý luận về chủ nghĩa xã hội, về quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về đảng cầm quyền, về sự đổi mới hệ thống chính trị... được nhận thức lại một cách căn bản, trên cơ sở trung thành với Chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các lý thuyết kinh tế học được xem xét trong các tương quan hợp lý hơn, cập nhật hóa và hiện đại hóa. Quan niệm về bóc lột, sở hữu tư nhân, kinh tế thị trường, chủ nghĩa tư bản... được nhìn nhận đúng hơn, là cơ sở để hình thành nên những luận cứ khoa học nhằm đổi mới quản lý vĩ mô, điều hành nền kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường.

Phương pháp luận về con người và văn hóa đối với sự phát triển xã hội được thay đổi tận gốc. Tính năng động và vai trò tích cực của nhân tố con người được đánh giá đúng mức và từng bước được vận dụng nhằm tạo ra một trình độ mới cho sự phát triển xã hội. Vai trò của kinh tế tri thức, của khoa học, giáo dục trong phát triển kinh tế - xã hội... được chú ý xem xét với tinh thần và lợi thế của người đi sau nhằm đáp ứng

những thách thức cũng như cơ hội của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Các quan niệm mới của giới học thuật thế giới được tiếp thu dù chưa thật sâu sắc, nhưng cũng đủ linh hoạt về tinh thần cơ bản. Đến nay, hầu hết các quan điểm có tính chất thời đại đều đã có mặt tại Việt Nam. Nhiều tác phẩm vạch thời đại của các tác giả quốc tế có uy tín đã được dịch và xuất bản. Hầu hết các ấn phẩm nổi tiếng của khoa học xã hội đương đại đã được chú ý xuất bản rất kịp thời; một số tác phẩm được dịch và công bố gần như đồng thời với nguyên tác. Nhiều tên tuổi trước kia bị nhìn nhận sai hoặc thiếu chính xác, nay từng bước đã được nhìn nhận lại.

Thông tin và tri thức đang được truyền tải theo các hình thức hiện đại và cập nhật. Ngày nay, những tài liệu quý hiếm, những tri thức uyên bác, hàn lâm và hiện đại, những trí tuệ xuất chúng... đều có thể được tiếp cận nhanh chóng. Không gian địa lý không còn là giới hạn đối với nghiên cứu và sáng tạo khoa học xã hội. Bất kỳ một phát kiến nào mới về khoa học xã hội và nhân văn cũng có thể dễ dàng được chia sẻ tức thì tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Những kết quả này đã tác động mạnh và góp phần làm thay đổi con người và xã hội Việt Nam hiện đại. Đó cũng chính là chức năng, sứ mệnh và diện mạo mà mấy chục năm nay Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cùng với giới khoa học cả nước đã thể hiện, góp phần đẩy lùi lạc hậu, làm cho đất nước tăng trưởng nhanh trong nhiều năm liền, đạt tới và vượt qua mức khởi điểm của thu nhập trung bình và đạt được nhiều thành tựu đáng kể khác, tạo đà, thế và lực mới cho sự phát triển tiếp theo.

2.2. Cùng với giới khoa học xã hội cả nước, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã tạo dựng được diện mạo mới với tinh thần mới. Điều đáng lưu ý là, toàn bộ tinh thần này đều đã được phản ánh trong các văn kiện tại các Đại hội Đảng và các Hội nghị của BCH Trung ương; nghĩa là các kết quả nghiên cứu khoa học xã hội đã và đang được tiếp thu, chất lọc một cách tinh túy, trí tuệ và có trách nhiệm. Điều đó đã tạo ra sự thay đổi các quan niệm phái sinh trong văn hóa và dân trí.

Trong khi tôn vinh Chủ nghĩa Marx là nền tảng tư tưởng và khẳng định giá trị bền vững của học thuyết Marx, khác với trước kia, trong khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam ngày nay, không có hiện tượng phê phán một chiều hay kỳ thị thuần túy chủ quan đối với các học thuyết khác.

Trong khi coi Tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn cờ tư tưởng, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam ngày nay lại sẵn sàng nghiên cứu, ứng dụng và tiếp thu “hạt nhân hợp lý”, từ các học thuyết khác, từ những tư tưởng của các vĩ nhân khác trong kho tàng tư tưởng nhân loại.

Trong khi thừa nhận chủ nghĩa duy vật là nguyên tắc lý luận, là phương pháp luận cơ bản cho mọi nghiên cứu, ứng dụng và hoạt động thực tiễn, trong khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam ngày nay, các nhà nghiên cứu và trí thức nói chung lại sẵn sàng đối thoại với các học thuyết khác, sẵn sàng tiếp thu, học hỏi những học thuyết, những tư tưởng, những quan điểm hợp lý.

Trong khi thừa nhận phép biện chứng là nguyên tắc phương pháp luận cơ bản cho mọi hoạt động tư tưởng, lý luận và tư duy từ nghiên cứu cơ bản đến

nghiên cứu triển khai trong khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam ngày nay, không có hiện tượng cách ly, kỳ thị hay quy chụp là duy tâm, siêu hình hoặc chiết trung đối với các kiểu tư tưởng và tư duy khác. Các quan niệm, quan điểm duy tâm, siêu hình, chiết trung, nhị nguyên... ngày nay đã được nhìn nhận đúng như chính giá trị đích thực của chúng.

Trong khi thừa nhận và đề cao quyết định luận duy vật về đời sống xã hội: cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, đời sống vật chất quyết định đời sống tinh thần... trong xã hội Việt Nam ngày nay, các quan niệm đề cao vai trò của ý thức, ý chí, giá trị, truyền thống... lại được nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan và thỏa đáng. Văn hoá được Đảng ta coi là “*nền tảng tinh thần của đời sống xã hội, là mục tiêu và là động lực của sự phát triển xã hội*”. Vị thế của con người trong sự phát triển được Đảng ta xác định là “*Tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người*”^(*).

Trong khi phê phán các quan điểm đa nguyên, đa đảng về hoạt động chính trị, mọi sự đa dạng khác về văn hoá, học thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa, tâm linh... trên thực tế vẫn được tôn trọng và đối xử bình đẳng. Ngày nay, các hoạt động phong phú, thậm chí phức tạp trong đời sống văn hoá, học thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh... đã được nhìn nhận và đối xử mềm dẻo hơn, hợp lý hơn. Những quan điểm không đúng hoặc khác ngịch với các hiện tượng tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo, cá nhân (chủ nghĩa), thần giao cách cảm, văn hoá

^(*) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr. 55, 56.

ngoại lai... đã được điều chỉnh và trở về với trạng thái hợp lý hơn, phù hợp hơn với quy luật vận động của đời sống xã hội.

Trong khi kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc, chủ trương coi kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo..., các thành phần kinh tế hoạt động bình đẳng và được tạo mọi điều kiện phát triển, trong đó coi kinh tế tư nhân là một trong các động lực của sự phát triển. Khoa học xã hội và nhân văn không chỉ làm cho xã hội thừa nhận vai trò của kinh tế thị trường, mà còn *coi kinh tế thị trường là phương thức với tính cách là thành tựu chung của nhân loại để phát triển*. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trở thành các trụ lực phát triển của Việt Nam trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Phương thức để phát triển đất nước ngày nay được ra đời từ chính những quan niệm mới của khoa học xã hội: các quan điểm về đổi mới tư duy, việc nhận thức lại nhiều vấn đề có tính nguyên tắc trong lý luận, trên thực tế đã dẫn đến đổi mới, cải cách trong hoạt động thực tiễn. Ngày nay, phương thức phát triển của Việt Nam được đánh giá là hợp lý, thực tế, mềm dẻo hơn và cũng chuẩn mực, bản lĩnh hơn trong xu thế chung của thế giới... so với trước đây.

2.3. Tuy vậy, khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam nói chung và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nói riêng, không phải không còn những hạn chế, yếu kém. Đó là những hạn chế trong nghiên cứu chuyên sâu, trong chất lượng đào tạo, trong tiếp nhận

thông tin và trong tư vấn chính sách. Hiện nay, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vẫn chưa có nhiều các tác phẩm khoa học tầm cỡ khu vực và thế giới; chưa có nhiều bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí uy tín thế giới. Cũng không nhiều nhà khoa học tầm cỡ khu vực và thế giới. Công tác đào tạo, đội ngũ khoa học ở trình độ sau đại học vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu rất cao của thực tiễn và của khoa học; khoảng cách so với các nền khoa học quốc tế vẫn chưa được rút ngắn. Thông tin khoa học từ bên ngoài, nói chung, thiếu đồng bộ, thiếu hệ thống và chưa đủ sâu sắc ở một số lĩnh vực.

*

* *

Bước vào thế kỷ XXI, khoa học xã hội với tính nhân văn vốn có của nó đã trở thành công cụ không thể thiếu của mọi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển. Thiếu khoa học xã hội và nhân văn, các đề án kinh tế - xã hội sẽ thiếu đi sự thẩm định, phản biện cần thiết về mặt xã hội và con người. Coi nhẹ sự thẩm định, phản biện của khoa học xã hội và nhân văn về các chính sách kinh tế - xã hội sẽ dễ rơi vào tình trạng chủ quan, thiếu luận cứ, có thể làm hạn chế tính khả thi và do vậy, có thể sẽ là cái làm nảy sinh thêm các vấn đề xã hội. Hơn thế nữa, ngày nay, khoa học xã hội với sức mạnh định tính và khả năng định lượng hiện đại của nó còn là “thuộc tính”, là nhân tố rất cơ bản kiến tạo nên các chiến lược, các quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển.

Vững vàng về khoa học cơ bản, năng động và thực tiễn về khoa học triển khai, hiện đại và tiên tiến về công cụ và phương pháp để phát triển khoa học xã

hội ngang tầm với trình độ khu vực và thế giới nhằm phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước là tâm nguyện của toàn thể cán bộ, công thức, viên chức đã và đang công tác tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

60 năm chưa phải là dài so với lịch sử của các Viện Hàn lâm khoa học có uy tín trên thế giới. Nhưng 60 năm cũng không còn là ngắn nếu so với lịch sử của những trung tâm khoa học mạnh ở các quốc gia mới nổi quanh ta. Nhìn lại chặng đường 60 năm đã qua, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam có đủ cơ sở để tự hào, hy vọng và tin tưởng rằng, với nền tảng là lịch sử hàng nghìn năm văn hóa, văn minh Việt Nam đậm đà

bản sắc, với những thành tựu to lớn và quan trọng của sự nghiệp nghiên cứu khoa học mà Viện Hàn lâm đã cống hiến cho Tổ quốc qua các cuộc kháng chiến trường kỳ cũng như qua các chặng đường xây dựng và phát triển đất nước còn nhiều khó khăn, thách thức, chắc chắn Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam sẽ ngày càng có nội lực mạnh mẽ hơn để góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

GS. TS. Nguyễn Xuân Thắng
Chủ tịch Viện Hàn lâm
Khoa học xã hội Việt Nam